

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

KHẢO VỀ ĐỊA PHẬN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ DÂN SỐ ĐÔ THỊ HUẾ GIAI ĐOẠN 1899-1945

Nguyễn Quang Trung Tiến*

Đặt vấn đề

Quá trình đô thị hóa và sự thiết lập, phát triển của đô thị Huế kể từ năm 1899 đến nay đã được đề cập khá nhiều trong những công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí, sách báo, kỷ yếu hội nghị khoa học, mà tương đối đầy đủ nhất là trong ấn phẩm Địa chí Thừa Thiên Huế - Phần Dân cư và Hành chính, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xuất bản năm 2013.

Tuy nhiên, các vấn đề về địa phận, tổ chức hành chính và dân số đô thị Huế giai đoạn 1899-1945 vẫn chưa được các công trình đã xuất bản thể hiện một cách đầy đủ, thấu đáo, cụ thể, đôi chỗ còn nhầm lẫn, nên chưa thể làm thỏa mãn hoàn toàn nhu cầu hiểu biết, nắm bắt của xã hội.

Hạn chế này chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân các nhà nghiên cứu trước đây, trong đó có bản thân tác giả bài viết này, chưa thể tiếp cận hết những tư liệu quan trọng liên quan, chưa phát hiện đầy đủ và khai thác tối đa số tư liệu này. Chính vì những lý do đó, bài viết này sẽ tập trung hướng đến những nội dung còn khiếm khuyết nói trên để giải quyết, khắc phục.

I. Địa phận đô thị Huế từ 1899 đến 1945

1. Địa phận thị xã Huế (1899-1929)

1.1. Địa phận thị xã Huế từ năm 1901

Ngày 6 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 (20/10/1898), dưới sự chỉ đạo và phê duyệt của Khâm sứ Trung Kỳ Boulloche, Cơ Mật Viện triều đình Huế làm tờ trình gửi vua Thành Thái đề nghị thiết lập một số đô thị ở Trung Kỳ.⁽¹⁾ Trên cơ sở này, ngày 5 tháng 6 năm Thành Thái thứ 11 (12/7/1899), vua Thành Thái xuống Dụ công bố thành lập thị xã Huế (cùng 5 thị xã khác ở miền Trung là Thanh Hóa, Vinh, Hội An, Quy Nhơn và Phan Thiết) với nguồn ngân sách riêng, nhưng địa phận cụ thể sẽ được xác lập bởi quyết định của Khâm sứ Trung Kỳ sau đó.⁽²⁾ Dụ thành lập thị xã Huế (Centre urbain de Huế) của vua Thành Thái ngày 12/7/1899 được Khâm sứ Boulloche phê duyệt ngày 13/7/1899 và Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra quyết định chuẩn y ngày 30/8/1899.⁽³⁾

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

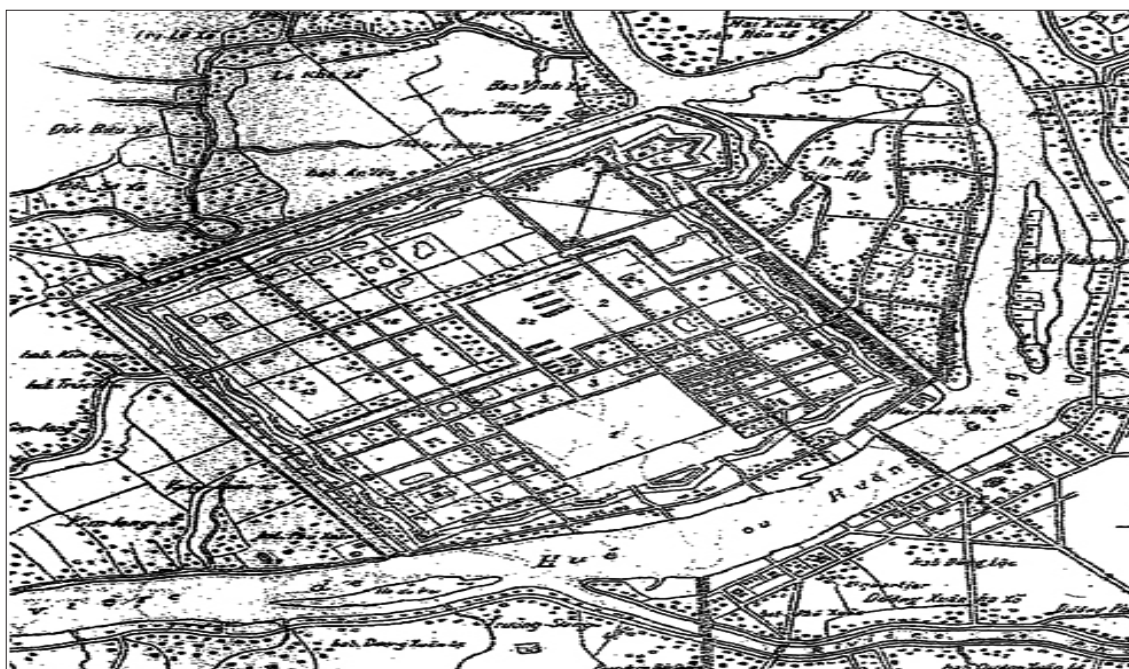
Dù đã được thiết lập từ năm 1899, nhưng phải hơn 2 năm sau, ngày 31/12/1901, Toàn quyền Đông Dương mới ra Nghị định quy định ranh giới địa phận thị xã Huế trên cơ sở đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ. Giới hạn địa phận thị xã Huế theo Nghị định này được thể hiện ở Điều 1, cụ thể:

“Điều 1: Thị xã Huế được thiết lập bởi các đạo dụ của Hoàng đế [An Nam] đã nói ở trên sẽ có địa phận nằm trong giới hạn theo các chỉ dẫn của bản đồ đính kèm như sau:

1. Bên tả ngạn Sông Hương: gồm khoảnh đất nằm giữa các hào bao quanh tòa thành [Kinh Thành] và các sông đào ở bên ngoài mà ở mặt nam là Sông Hương; khu vực ở cồn Gia Hội giới hạn bởi Sông Hương, sông đào Đông Ba và đường bên đò qua xã Nam Phổ [trục đường Nguyễn Gia Thiều - cầu Chợ Dinh hiện nay, gồm đất của các làng hoặc một phần làng là An Mỹ, Lạc Hồ, Thế Lại Thượng, Xuân Dương, Thọ Hàm, An Quán].

2. Bên hữu ngạn Sông Hương: giới hạn bởi Sông Hương đến chợ Phủ Cam [tức từ bờ sông đến chợ Bến Ngự theo trục đường Trần Thúc Nhẫn hiện nay]; từ chợ Phủ Cam đến chỗ giao nhau với tuyến đường 0 [chỗ đường Phan Bội Châu giáp đường Ngô Quyền hiện nay]; từ tuyến đường 0 đến lỵ sở phủ Thừa Thiên [trụ sở UBND tỉnh hiện nay]; tiếp đó là một đường gấp khúc bao quanh khoảnh đất 8 mẫu ruộng của các xã Dương Xuân và Đông Lộc được đô thị thu hồi đến chỗ giao nhau ở tuyến đường C [ngã ba Ngô Quyền - Nguyễn Huy Tự hiện nay]; theo tuyến đường C đến góc phía đông khu đất của Bachelay [ngã ba Ngô Quyền - Hai Bà Trưng hiện nay]; từ góc này, một đường gấp khúc bao quanh các sở đất của Lachaise, Lacorre, Girard đến tuyến đường đi Đà Nẵng [từ ngã ba Ngô Quyền - Hai Bà Trưng đến đường Hà Nội và theo đường Hà Nội đến giáp đường Hùng Vương ở ngã bảy hiện nay]; rồi từ điểm đó đến chỗ giao nhau của tuyến đường H [chỗ đường Bến Nghé giáp đường Trần Cao Vân hiện nay]; từ tuyến đường H băng qua đằng sau các chuồng ngựa của Tòa Khâm sứ đến bến đò Thọ Lộc [tuyến đường Võ Thị Sáu qua Nguyễn Công Trứ ra Đập Đá bên bờ Sông Hương hiện nay]”.⁽⁴⁾ Đất ở bờ nam Sông Hương chủ yếu thuộc các làng hoặc một phần làng là Phú Xuân Hạ, Dương Xuân Hạ, Đông Lộc, Thọ Lộc.

Căn cứ nghị định này, có thể thấy khu vực trong Kinh Thành, nơi đặt cơ quan đầu não của Nam triều không nằm trong địa phận hành chính thị xã Huế, mà vẫn do Nha Hộ Thành của triều đình Huế cai quản. Địa phận thị xã Huế chỉ bao gồm một vành đai hẹp bao quanh bốn phía ngoài Kinh Thành đến giáp các sông hồ thành là Sông Hương ở mặt nam, sông đào Kẻ Vạn ở mặt tây, sông đào An Hòa ở mặt bắc, sông đào Đông Ba ở mặt đông; một phần cồn Gia Hội từ phía chợ Đông Ba xuống đường ngang bến đò Chợ Dinh sang làng Nam Phổ; cộng với một dải đất mỏng ở bờ nam Sông Hương, dọc theo hai bên con đường sát bờ sông (về sau mang tên Jules Ferry, tức Lê Lợi ngày nay), kể từ bến đò Thọ Lộc (ở Đập Đá) lên quá Trường Quốc Học một đoạn, giáp với tuyến đường Trần Thúc Nhẫn kéo đến chợ Bến Ngự hiện nay.



Hình 1: Thị xã Huế năm 1901.

(Nguồn: *Annuaire Général de l'Indo-Chine. Hanoi. 1901. P.1087*).

1.2. Địa phận thị xã Huế từ năm 1903

Địa phận hành chính quá nhỏ bé của thị xã Huế không thể đáp ứng nhu cầu khai thác của Pháp, khó phát triển mạng lưới giao thông, cũng không tương xứng với vai trò chính trị trung tâm của chính quyền thực dân ở Trung Kỳ. Bởi vậy, khi tuyến đường sắt Đà Nẵng - Huế - Đông Hà có kế hoạch thi công, cả Pháp và Nam triều lập tức triển khai điều chỉnh địa giới thị xã Huế.

Ngày 27 tháng 5 năm Thành Thái thứ 15 (22/6/1903), Hội đồng Cơ Mật triều đình Huế đã làm tờ tấu dâng vua Thành Thái với nội dung sau:

“Chúng thần, các thành viên của Hội đồng Cơ Mật, cần mong sự lưu tâm của Hoàng thượng về việc quý Khâm sứ Auvergne đã thư cho chúng thần rằng, vì ga xe lửa sẽ được xây dựng nằm ngoài ranh giới thị xã Huế, do vậy ở đó phạm vi của thị xã nên được mở rộng bên ngoài ranh giới đã được xác định bởi Dụ của Hoàng đế đã ban hành vào những năm trước.

Với mục đích đó, ngài Khâm sứ nói thêm rằng sẽ gửi cho chúng thần bản đồ cho phần mở rộng này để sửa đổi.

Hôm nay, ngài Khâm sứ gửi cho chúng thần bản đồ nói trên cũng như bản dự thảo tờ Dụ của Hoàng đế, yêu cầu chúng thần đệ trình lên Hoàng thượng”.⁽⁵⁾

Dựa vào bản tấu của Hội đồng Cơ Mật và dự thảo do Khâm sứ Auvergne chuẩn bị sẵn, trong cùng ngày 27 tháng 5 năm Thành Thái thứ 15 (22/6/1903), vua Thành Thái đã xuống Dụ mở rộng phạm vi thị xã Huế. Dụ viết:

“Thị xã Huế được mở rộng thêm các khu đất được xác định như sau:

Một tuyến đường từ phía sau Tòa Công sứ Thừa Thiên [đường Trần Thúc Nhẫn hiện nay] kéo qua đại lộ Nam Giao [đường Điện Biên Phủ hiện nay], vòng qua sau chùa Báo Quốc và miếu thờ Lịch Đới đến mộ của Hoàng tử quá cố Tuy Lý Vương [tức Miên Trinh, nằm ở khu Bàu Vá tại Phường Đức, sát đường Bùi Thị Xuân hiện nay], trước đây là thành viên của Hội đồng Phụ chánh; từ đó rẽ theo con đường đi đến bờ hữu ngạn của dòng sông rồi vòng lại đến Tòa Công sứ Thừa Thiên tại mốc giới hạn cũ của thị xã.



Hình 2: Vị trí các phường Đệ Nhất đến Đệ Tứ quanh Kinh Thành và Đệ Ngũ đến Đệ Thất ở cồn Gia Hội từ năm 1907. (Nguồn: www.



Hình 3: Vị trí các phường Đệ Bát, Đệ Cửu ở bờ nam Sông Hương từ năm 1907.

Phân định này phù hợp với kế hoạch được vạch ra cho mục đích mở rộng thị xã.

Các đồng ruộng, đất đai và khu dân cư nằm trong khu vực sáp nhập vào thị xã sẽ được đăng ký tùy thuộc vào ranh giới của thị xã”.⁽⁶⁾

Trên cơ sở tờ Dụ mở rộng phạm vi thị xã Huế của vua Thành Thái ngày 22/6/1903, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuẩn y vào ngày 3/7/1903 với những điều cụ thể là:

“Điều 1. Cho phép thực thi ngay lập tức Dụ của Hoàng đế ngày 22 tháng 6 năm 1903 về việc mở rộng phạm vi của thị xã Huế bao gồm cả nhà ga đường sắt và khu vực xung quanh.

Điều 2. Chu vi của thị xã Huế được tăng thêm vùng đất nằm trong một khu đa giác vẽ trên bản đồ đính kèm quyết định của Khâm sứ và được mô tả như sau:

Một đường thẳng bắt đầu từ bờ hữu ngạn Sông Hương và theo con đường từ bờ sông dẫn đến chợ Phủ Cam [đường Trần Thúc Nhẫn hiện nay], cho đến chỗ giao nhau với con đường đi qua phía sau trường Quốc Học [đường Ngô Quyền hiện nay]; từ điểm này một đường thẳng khác đến cây cầu gỗ trên đại lộ Nam Giao [cầu Nam Giao trên đường Điện Biên Phủ hiện nay]; từ cầu Nam Giao theo đại lộ lên chùa Báo Quốc; một tuyến khác bắt đầu từ điểm này đi qua góc phía nam của chùa Báo Quốc đến mộ Ông Phụ Chánh [tức mộ Tuy Lý Vương Miên Trinh]; một đường thẳng khác từ mộ Ông Phụ Chánh ra sông; cuối cùng là từ bờ sông đến điểm giới hạn cũ của thị xã”.⁽⁷⁾

Như vậy, việc mở rộng địa hạt thị xã Huế năm 1903 chỉ nằm ở bờ nam Sông Hương, với trung tâm là vị trí sẽ xây dựng Ga Huế và vùng lân cận bao quanh nhà ga. Khu vực mới sáp nhập vào thị xã Huế là dải đất ở cả đôi bờ sông An Cựu (tên gọi khác là Phủ Cam hay Lợi Nông) từ vị trí Cửa Khâu vào đến trục đường lên Nam Giao và chùa Báo Quốc thuộc địa phận xã Dương Xuân Hạ (nay là đất một phần của các phường Phường Đức và Vĩnh Ninh).

1.3. Địa phận thị xã Huế từ năm 1908

Năm năm sau ngày mở rộng ở khu vực nhà ga đường sắt, với nhu cầu phát triển đô thị, ngày 9/5/1908 vua Duy Tân xuống Dụ tiếp tục mở rộng phạm vi thị xã Huế và Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuẩn y vào ngày 24/7/1908, cho phép mở rộng địa hạt Huế lần hai. Điều 2 của nghị định nêu rõ:

“Chu vi của thị xã Huế được giới hạn từ đại lộ mới [đường Nguyễn Huệ hiện nay] kéo đến con đường A để tiếp nối cầu trên tuyến đường lên Đàn Nam Giao (đoạn đường Phan Đình Phùng từ giáp chợ Bến Ngự đến giáp đường Điện Biên Phủ hiện nay). Vùng đất mới mở nằm trong chu vi này được xác định bởi phần tô màu hồng trong bản đồ đính kèm theo quyết định này”.⁽⁸⁾

Như thế, lần mở rộng đô thị thứ hai này chỉ sáp nhập thêm một khu đất nhỏ bên tả ngạn sông An Cựu, đoạn từ chợ Bến Ngự đến cầu Nam Giao, nằm trong tứ

giác các đường Nguyễn Huệ - Trần Thúc Nhẫn - Phan Đình Phùng - Điện Biên Phủ hiện nay. Phần đất đô thị Huế vẫn hết sức bé nhỏ.

1.4. Địa phận thị xã Huế từ năm 1921

Sau Thế chiến I, nhu cầu mở rộng đô thị Huế càng trở nên bức thiết, nên dưới sự sắp đặt của Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 4/11/1921 vua Khải Định xuống Dụ quy định lại ranh giới của thị xã Huế lần thứ ba. Dụ viết:

“Khải Định năm thứ 6, tháng 10, ngày mùng 5 (Ngày 4 tháng 11 năm 1921).

Trẫm, Hoàng đế An Nam,

Chiếu theo Dụ của Hoàng đế về thiết lập các thị xã và đặc biệt là các Dụ đã điều chỉnh hoặc sửa đổi các giới hạn của thị xã Huế;

Chiếu theo bản tấu của Hội đồng Cơ Mật đề cập các dự án hiện đang được nghiên cứu đề tôn tạo đô thị Huế và sự cần thiết cho phép mở rộng vành đai đô thị;

Xét thấy dân chúng có thể nhận được lợi ích trong việc thực hiện các dự án đặc biệt được đề cập, bao gồm xây dựng các bến cảng, chợ có mái che, đại lộ mới, vườn hoa công cộng, nhà hát..., với mục đích mang lại hạnh phúc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Nay quyết định:

Các giới hạn thị xã của đô thị Huế là:

1. Bên bờ tả ngạn Sông Hương: gồm khoảnh đất nằm giữa các hào bao quanh Kinh Thành và các sông đào bao bọc bên ngoài mà ở phía nam là Sông Hương; đất cồn Gia Hội được giới hạn bởi Sông Hương và sông đào Đông Ba.

2. Bên bờ hữu ngạn Sông Hương: ranh giới là một đường gấp khúc bắt đầu từ đập Thọ Lộc dọc theo sông Bình Lục [sông Như Ý]; sau đó chạy song song cách đều 30 mét phía bên ngoài đại lộ bắt đầu từ đê Thọ Lộc [đường Nguyễn Công Trứ hiện nay] đến chợ An Cựu [đường Bà Triệu hiện nay]; tại đây thêm đường thẳng song song với con đường Thuộc địa [đường Hùng Vương hiện nay] để bao quanh chợ An Cựu; sau đó rẽ dọc theo bờ tả ngạn sông Phú Cam [cũng gọi là An Cựu, Lợi Nông], qua cầu An Cựu, rồi vòng sang bờ hữu ngạn của sông Phú Cam, cách bờ sông 30 mét chạy đều cho đến giáp cầu của nhà máy điện [cầu Kho Rèn].

Tại vị trí này, đường ranh giới quay song song với hướng của cây cầu [đường Trần Phú hiện nay] đến mép đường sắt; sau đó chạy dọc theo tuyến đường sắt đến đại lộ Nam Giao, rẽ lên đường Nam Giao, qua phía nam chùa Báo Quốc, đến miếu Lịch Đới và mộ Ông Phụ Chánh để đến giáp cầu đường sắt từ Huế đến Quảng Trị [cầu đường sắt Dã Viên hiện nay]”.⁽⁹⁾

Sau khi Dụ của vua Khải Định được ban bố, ngày 25/11/1921 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuẩn y, do Thống sứ Bắc Kỳ là Monguillot ký thay. Điều 1 của Nghị định quy định: “Cho phép được thi hành Dụ của Hoàng đế ngày

4 tháng 11 năm 1921 để mở rộng chu vi của thị xã Huế và đặt ra các ranh giới địa phận mới của thị xã”.⁽¹⁰⁾

Với việc mở rộng ranh giới đô thị Huế lần thứ ba, phần đất mới được mở rộng nằm ở hai khu vực cụ thể là:

- Ở khu vực cồn Gia Hội, thêm phần đất khu đông-bắc cồn Gia Hội kể từ vị trí bến đò Chợ Dinh qua Nam Phổ được sáp nhập, gồm đất các làng hoặc một phần làng là An Quán, Thọ Hàm và Thế Lại Thượng, tiếp nối phần đất cũ. Đến đây, toàn bộ cồn Gia Hội đã nằm trong địa phận thị xã Huế.

- Ở bờ nam Sông Hương, thêm phần đất từ làng Thọ Lộc đến chợ và cầu An Cựu; dải đất 30 mét chạy ven bờ hữu ngạn sông An Cựu, đoạn từ cầu An Cựu đến cầu Kho Rèn; dải đất từ bờ sông An Cựu ở cầu Kho Rèn lên giáp đường xe lửa, chạy dọc theo đường xe lửa đến giáp đại lộ lên Nam Giao; dải đất từ đường xe lửa cắt đại lộ Nam Giao lên góc phía đông sau lưng chùa Báo Quốc, vòng qua miếu Lịch Đại Đế Vương, ra khu mộ Tuy Lý Vương Miên Trinh ở đồng Bàu Vá kéo đến giáp cầu đường sắt Dã Viên. Phần đất mở rộng ở bờ nam Sông Hương là đất các làng hoặc một phần làng gồm Dương Xuân Hạ, Dương Phàm và An Cựu, tiếp nối phần đất cũ.

2. Địa phận thành phố Huế (1929 - 1945)

Sau 30 năm ra đời của thị xã Huế, ngày 12/12/1929 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định nâng cấp thị xã Huế lên thành phố loại III. Địa phận thành phố Huế (Commune de Huế) được quy định ở Điều 1 trong Nghị định như sau:

“Thị xã Huế được thành lập theo các Dụ của Hoàng đế ngày 20 tháng 10 năm 1898, ngày 12 tháng 7 năm 1899, ngày 31 tháng 12 năm 1901, ngày 22 tháng 6 năm 1903, ngày 9 tháng 5 năm 1908 và ngày 4 tháng 11 năm 1921, nay được thiết lập một thành phố.

Các ranh giới của thành phố dựa trên những ranh giới của thị xã đã được ấn định bởi Dụ của Hoàng đế ngày 4 tháng 11 năm 1921, đã được chuẩn y thi hành theo Nghị định ngày 25 tháng 11 năm 1921”.⁽¹¹⁾

Với quy định ở Điều 1 của Nghị định thành lập thành phố, địa phận của thành phố Huế kế thừa toàn bộ phạm vi lãnh thổ của thị xã Huế đã mở rộng lần thứ ba từ năm 1921. Thành phố Huế tiếp tục tồn tại trong phạm vi ở 3 khu vực là khu vực bao quanh Kinh Thành; khu vực toàn bộ cồn Gia Hội; và khu vực nam Sông Hương trong tam giác Đập Đá - cầu đường sắt Dã Viên - cầu An Cựu. Lãnh thổ bên trong Kinh Thành tiếp tục thuộc chính quyền trung ương, do Nam triều quản lý và không nằm trong địa phận thành phố Huế. Ranh giới địa phận thành phố Huế không bao gồm Kinh Thành giữ nguyên như thế cho đến năm 1945.

II. Tổ chức hành chính đô thị Huế từ 1899 đến 1945

1. Tổ chức hành chính thị xã Huế (1899 - 1929)

Trên cơ sở địa phận thị xã được xác lập, ngay từ năm 1901 đơn vị hành chính thị xã Huế được chia thành 8 phường (8 quartiers), nằm ở 3 khu vực sau:

- Khu vực dải đất bao quanh Kinh Thành có 4 phường: phường Đệ Nhất từ cửa Đông Nam (Thượng Tứ) đến cầu Thanh Long - cửa Đông Bắc (Kẻ Trài); phường Đệ Nhị từ cửa Kẻ Trài đến cửa Tây Bắc (An Hòa); phường Đệ Tam từ cửa An Hòa đến cửa Tây Nam (Cửa Hữu); phường Đệ Tứ từ Cửa Hữu đến cửa Thượng Tứ.

- Khu vực cồn Gia Hội chỉ có 3 phường: phường Đệ Ngũ nằm trong giới hạn giữa tim Sông Hương và các đường Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Chí Thanh, tim sông đào Đông Ba hiện nay; phường Đệ Lục giới hạn giữa tim Sông Hương và các đường Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Gia Thiều hiện nay; phường Đệ Thất giới hạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến tim sông đào Đông Ba xuống ngang ngã ba Nguyễn Chí Thanh-Cao Bá Quát hiện nay.

- Khu vực nam Sông Hương chỉ có 1 phường duy nhất là phường Đệ Bát, chiếm trọn phần đất bờ nam Sông Hương của thị xã, chủ yếu theo hai bên trục đường Lê Lợi, từ Đập Đá đến giáp đường Trần Thúc Nhẫn và lên đến chợ Bến Ngự hiện nay.

Xét về mặt tổ chức hành chính, thị xã Huế tuy có địa phận riêng, ngân sách riêng, nhưng chưa có bộ máy quản lý hành chính riêng, mà do cả từ phía Nam triều lẫn phía Pháp cai quản.

Về phía Pháp, Công sứ Thừa Thiên trực tiếp cai quản thị xã Huế nhưng không có chức danh kiêm nhiệm (không giống như Công sứ kiêm Đốc lý đối với thành phố Huế từ năm 1929). Nhiệm vụ của Công sứ Pháp đối với thị xã là tập trung vào mảng soạn thảo kế hoạch ngân sách và quản lý thu-chi ngân sách thị xã. Giúp việc cho Công sứ có một kế toán thu-chi ngân sách và một nhân viên văn phòng làm thư ký kế toán.

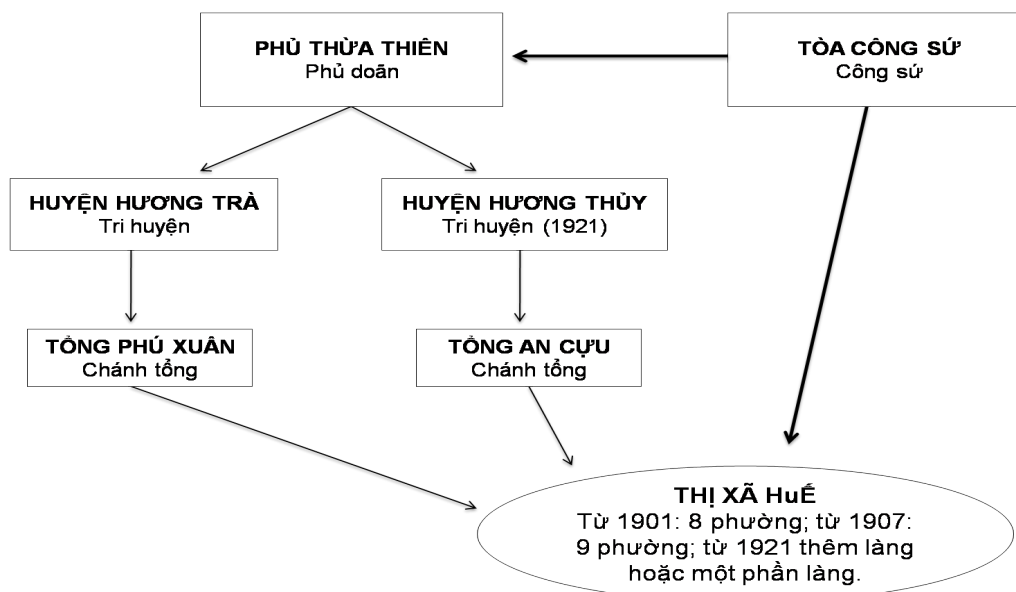
Bộ máy quản lý thị xã Huế của Pháp vào năm 1902 có 3 người gồm Công sứ Le Marchant de Trigon, Quản lý hành chính bậc 4; Kế toán thu-chi ngân sách Dejoux; và, Nhân viên văn phòng bậc 1 Vanez, Thư ký kế toán.⁽¹²⁾

Về phía Nam triều, các phường trong thị xã Huế tiếp tục được duy trì bộ máy quản lý truyền thống với lý trưởng đứng đầu mỗi phường và có các hương chức giúp việc; dưới phường là giáp do giáp trưởng đứng đầu. Tất cả 8 phường của thị xã Huế đều tiếp tục nằm trong tổng Phú Xuân thuộc huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, do Chánh tổng Phú Xuân quản lý trực tiếp và làm việc với hai cấp trên là Tri huyện Hương Trà và Phủ doãn Thừa Thiên.⁽¹³⁾

Đến năm 1907, trên phần đất được mở rộng ở bờ nam Sông Hương quanh khu vực ga đường sắt, thêm phường Đệ Cửu được thành lập (xem hình 3), nâng tổng số phường trong thị xã Huế từ 8 lên 9 phường, đều trực thuộc tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà của phủ Thừa Thiên quản lý.⁽¹⁴⁾

Sau ngày mở rộng địa phận thị xã Huế lần thứ ba năm 1921, ở khu vực bờ nam Sông Hương có thêm đất của tổng An Cựu thuộc huyện Hương Thủy được

sáp nhập vào thị xã Huế, nên còn có sự tham gia quản lý dân cư của huyện Hương Thủy trên phần đất này của thị xã Huế.



Hình 4: Sơ đồ hệ thống quản lý hành chính Pháp - Nam triều ở thị xã Huế (1901 - 1929).

2. Tổ chức hành chính thành phố Huế (1929 - 1945)

Từ cuối năm 1929 đến năm 1934, địa giới và các đơn vị hành chính của thành phố Huế về cơ bản vẫn giữ nguyên như thời kì thị xã Huế. Về phía Nam triều, việc quản lý hành chính ở 9 phường trong thành phố Huế vẫn do hai huyện Hương Trà và Hương Thủy đảm trách. Tuy nhiên, phía Pháp đã có những điều chỉnh đáng kể trong bộ máy quản lý hành chính.

Đứng đầu thành phố Huế là một Đốc lý (Résident-Maire). Nghị định ngày 12/12/1929 quy định:

“Thành phố Huế được quản lý, với sự giúp sức của các quan tỉnh [Nam triều], bởi Công sứ quản lý hành chính (Administrateur Résident) Pháp ở Thừa Thiên, người đảm nhận chức vụ Đốc lý thành phố (Résident-Maire). Phó quản lý hành chính (Administrateur-adjoint) tỉnh đảm nhận các chức năng của Thư ký thành phố. Khi Đốc lý vắng mặt hoặc bận công việc thì Thư ký thành phố sẽ thay thế trong các nhiệm vụ trường tòa thị chính, bố trí ngân sách, viên chức hộ tịch (Điều 2)”.⁽¹⁵⁾

“Đốc lý chịu trách nhiệm quản lý thành phố và chủ trì Ủy ban thành phố, đảm bảo việc thực hiện các quyết định của Ủy ban thành phố. Đốc lý đại diện cho thành phố tại tòa án, cả với tư cách yêu cầu hoặc bảo vệ; quản lý doanh thu và giám sát các cơ sở cùng tài sản của thành phố; chuẩn bị và đề xuất ngân sách thành phố và quyết định việc chi tiêu; chỉ đạo các công trình đô thị và đề ra các biện pháp liên

quan đến đường sá đô thị; ký hợp đồng, thông qua hợp đồng thuê tài sản và đấu giá các công trình đô thị theo các hình thức được thiết lập bởi luật pháp và các quy định khác; thông qua các hình thức, hành vi bán, trao đổi, chia chác, chấp nhận quyền góp hoặc di tặng, mua lại, giao dịch... khi các hành vi này đã được cho phép theo các quy định được ban hành trong nghị định này; chủ trì ủy ban vệ sinh thành phố và đảm bảo thực hiện các quyết định của ủy ban này (Điều 7)".⁽¹⁶⁾

"Độc lý chịu trách nhiệm đặc biệt, dưới sự kiểm soát của chính quyền cấp trên, cả về cảnh sát thành phố, xây dựng và thực thi luật pháp cùng các quy định của thành phố, thực hiện các biện pháp an ninh chung và các chức năng đặc biệt được giao phó bởi luật pháp và các quy định, nhất là các chức năng của nhân viên hộ tịch (Điều 8)".⁽¹⁷⁾

"Độc lý có toàn quyền xây dựng phương thức bổ nhiệm cho tất cả các chức vụ trong thành phố, đình chỉ và bãi nhiệm những người nắm giữ các chức vụ này (Điều 11)".⁽¹⁸⁾

Độc lý đầu tiên của thành phố Huế năm 1929-1930 là Maurice-Arsène Devé, Quản lý hành chính dân sự hạng hai; còn Thư ký thành phố là Labbey, Phó quản lý hành chính dân sự hạng nhất.⁽¹⁹⁾

Giúp việc cho Độc lý thành phố là một Ủy ban thành phố. Nghị định ngày 12/12/1929 quy định:

"Độc lý thành phố có sự giúp sức bởi một Ủy ban thành phố [Commission municipale]⁽²⁰⁾ được thành lập dưới sự chủ trì của mình, gồm 4 ủy viên người Pháp và 4 ủy viên người Việt. Phủ doãn Thừa Thiên được quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban thành phố, có quyền biểu quyết và ngồi đối diện với Độc lý. Trong trường hợp bỏ phiếu hai bên ngang nhau, phiếu của Độc lý mang tính quyết định (Điều 3)".⁽²¹⁾

"Các ủy viên người Pháp trong Ủy ban thành phố được Khâm sứ Trung Kỳ bổ nhiệm theo nhiệm kỳ bốn năm, dựa trên đề nghị của Độc lý thành phố. Các thành viên người Việt do Độc lý thành phố đề nghị sau khi thỏa thuận với Phủ doãn, được Khâm sứ Trung Kỳ bổ nhiệm theo nhiệm kỳ bốn năm, sau khi thỏa thuận với Hội đồng Cơ Mật của Nam triều.

Ủy viên Ủy ban thành phố được lựa chọn trong số nghiệp chủ của thành phố, thương gia có môn bài và các thân hào nhân sĩ địa phương. Mỗi ủy viên đều phải đáp ứng các điều kiện sau đây: từ 25 tuổi trở lên, có hiểu biết luật dân sự và chính trị, không giữ bất kỳ chức vụ nào trong hệ thống chính quyền ở Đông Dương. Chức vụ ủy viên Ủy ban thành phố hoàn toàn tự nguyện không hưởng lương (Điều 4)".⁽²²⁾

Từ năm 1929 đến 1945, Ủy ban thành phố Huế trải qua các nhiệm kỳ sau (không kể 3 chức danh đương nhiên trong Ủy ban là Độc lý làm chủ tịch, Thư ký thành phố làm thư ký và Phủ doãn Thừa Thiên làm ủy viên):⁽²³⁾

Nhiệm kỳ	Chức danh	Họ tên	Chức vụ / Nghề nghiệp	Ghi chú
1929-1932	Ủy viên	Wladimir Morin	Thương gia	
	-	Henri-Joseph Cosserat	Nghiep chủ	
	-	Félix Imbert	Dược sĩ	
	-	Tamburini	Đại diện Nhà băng Đông Dương	
	-	Ton That Bang	Thầu khoán	
	-	Dinh Doan Sac	Nghiep chủ	
	-	Do Phong	Giám đốc Nhà in Đắc Lập	
	-	Ung Du	Thầu khoán	
1932-1934	-	Wladimir Morin	Thương gia	
	-	Henri-Joseph Cosserat	Nghiep chủ	
	-	Félix Imbert	Dược sĩ	
	-	Verge	Đại diện Nhà băng Pháp-Hoa	
	-	Ton That Bang	Thầu khoán	
	-	Dinh Doan Sac	Nghiep chủ	
	-	Do Phong	Giám đốc Nhà in Đắc Lập	
	-	Ung Du	Thầu khoán	
1934-1938	-	Henri-Joseph Cosserat	Nghiep chủ	
	-	Félix Imbert	Dược sĩ	
	-	Wladimir Morin	Thương gia	
	-	Verge	Đại diện Nhà băng Pháp-Hoa	
	-	Ton That Bang	Thầu khoán	
	-	Ung Du	Thầu khoán	
	-	Do Phong	Thầu khoán	Chuyển nghề
	-	Dinh Doan Sac	Nghiep chủ	
1938-1942	-	Flachet	Nhà kỹ nghệ	
	-	Husson	Nhà kỹ nghệ	
	-	Félix Imbert	Dược sĩ	
	-	Wladimir Morin	Thương gia	
	-	Ton That Bang	Thầu khoán	
	-	Ung Du	Thầu khoán	
	-	Do Phong	Thầu khoán	
	-	Dinh Doan Sac	Nghiep chủ	
1942-1945	-	Sogny	Kiểm soát viên an ninh nghỉ hưu	
	-	Lafferranderie	Trưởng Quân đoàn Lê-dương Pháp ở Trung Kỳ	
	-	Creuse	Giám đốc Nhà băng Đông Dương	
	-	Félix Imbert	Dược sĩ	
	-	Ton That Bang	Thầu khoán	
	-	Do Phong	Thầu khoán	
	-	Dinh Doan Sac	Nghiep chủ	
	-	Tôn Thất Viễn Đệ	Kỹ nghệ gia	

Sau chuyển động từ phía Pháp, biến đổi về mặt tổ chức hành chính thành phố Huế của Nam triều chỉ bắt đầu xảy ra vào ngày 15 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 9 (21/11/1934), khi dưới tác động của Công sứ Thừa Thiên và Khâm sứ Trung Kỳ, Bộ Lại của Nam triều đã dâng bản tấu lên Hoàng đế An Nam đề nghị quy định việc quản lý và sắp xếp lại các phường hiệu trong thành phố. Bản tấu viết:

“Tâu bệ hạ,

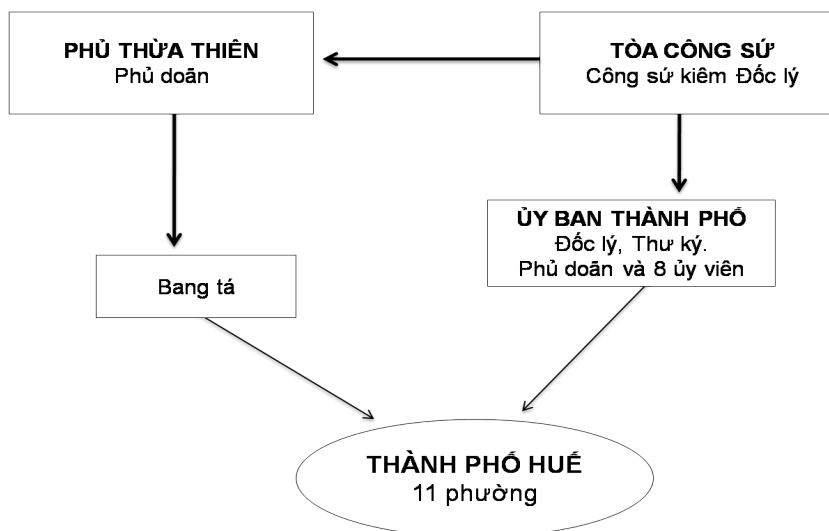
Quan phủ Thừa Thiên gửi cho chúng thần một bản báo cáo về việc tổ chức ở trung tâm đô thị Huế 11 phường tương đương với các xã tự trị, được đặt dưới sự điều hành của một Bang tá và độc lập về mặt hành chính với các huyện Hương Trà và Hương Thủy.

Mục đích của cải cách được đề xuất là để đạt được quyền tự chủ hành chính ở trung tâm đô thị Huế, bởi việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều hoạt động công việc”.⁽²⁴⁾

Hai ngày sau (23/11/1934), vua Bảo Đại xuống Chỉ số 41 chỉnh đốn thành phố Huế theo một hệ thống tổ chức mới, như tinh thần Bộ Lại đã tấu. Chỉ viết:

“Địa phận của thành phố Huế bao gồm trong vành đai xác định theo Dụ của Hoàng đế ngày mùng 5 tháng 10 năm Khải Định thứ 6 (4/11/1921) được xóa khỏi lãnh thổ của các huyện Hương Trà và Hương Thủy để lập thành một khu vực độc lập (Điều 1).

Khu vực này được đặt dưới quyền của một Bang tá có quyền hạn tư pháp và hành chính cùng các đặc quyền sẽ được xác định sau bởi Bộ có thẩm quyền (Điều 2).



Hình 5: Sơ đồ hệ thống quản lý hành chính Pháp - Nam triều ở thành phố Huế năm (1934 - 1945).

Tất cả các đơn vị hành chính và địa phận của thành phố ở cấp phường, làng và một phần làng tồn tại đến nay, bị bãi bỏ. Thành phố Huế được chia thành 11

phường với các tên sau: 1- Phú Hòa, 2- Phú Bình, 3- Phú Thịnh [Nguyên văn: Phú - thính], 4- Phú Hậu, 5- Phú Cát, 6- Phú Mỹ, 7- Phú Thọ, 8- Phú Ninh, 9- Phú Vĩnh, 10- Phú Nhuận, 11- Phú Hội. Ranh giới tương ứng của 11 phường được xác định bởi bản đồ đính kèm Chỉ này (Điều 3).

Mỗi phường sẽ bầu lên một phường trưởng, có quyền hạn tương đương và được giúp việc bởi các thân hào giống như lý trưởng ở vùng nông thôn (Điều 4).⁽²⁵⁾

Trên cơ sở của Chỉ số 41 của vua Bảo Đại, đến ngày 10/01/1935, Bộ Lại ra quyết định cử một Bang tá làm người đứng đầu về hành chính của thành phố Huế, với sự phê duyệt của Khâm sứ Trung Kỳ. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bang tá được quy định cụ thể như sau:

“Thành phố Huế được đặt dưới quyền của một Bang tá, người báo cáo trực tiếp cho Phủ doãn của Thừa Thiên (Điều 1).

Trong phạm vi đô thị, Bang tá chịu trách nhiệm theo sự ủy quyền của Phủ doãn Thừa Thiên và dưới sự kiểm soát sau đó, để xử lý tất cả các vấn đề hành chính liên quan đến việc thu thuế và lệ phí từ giám sát hành chính và kết nối các dịch vụ khác nhau với dân cư của 11 phường trong thành phố (Điều 2).

Về tư pháp, Bang tá ghi lại bằng báo cáo các vụ kiện cáo bằng miệng [tương tự chức năng lập vi bằng của Thừa phát lại]; làm chức năng cảnh sát tư pháp trong xét xử bản xứ đối với tất cả các lỗi vi phạm hình sự (lỗi vi cảnh, tội nhẹ, tội phạm) do các quan án của Tòa án Nam triều xét xử trong phạm vi thành phố, và được tiến hành biện pháp thông tin khẩn cấp bất kỳ khi thông báo cho Phủ doãn. Bang tá có nhiệm vụ điều tra các trường hợp phạm tội trắng trợn và chuyển hồ sơ cho Phủ doãn Thừa Thiên để được xét xử theo luật định (Điều 3).

Trong các vấn đề dân sự, Bang tá có thể tiến hành các nỗ lực hòa giải với tư cách là đại diện của Phủ doãn. Trong mọi trường hợp, Bang tá không thể phán xét các vụ án với tư cách là thẩm phán độc lập hoặc là đại diện của Phủ doãn, người chỉ ủy quyền cho Bang tá để điều tra chứ không phải để xét xử bản án (Điều 4).⁽²⁶⁾

Bằng việc tổ chức lại các đơn vị hành chính thuộc thành phố Huế vào năm 1934 và cử Bang tá người Việt đứng đầu bộ máy quản lý của Nam triều tại thành phố Huế năm 1935, giai đoạn 1934-1945 thực sự là cuộc “lột xác” của đô thị Huế bằng sự phân định rạch ròi giữa đô thị với nông thôn. Các đường phân thiết và giới hạn giữa các phường, làng và một phần làng trong thành phố bị cắt bỏ. Hai huyện Hương Trà và Hương Thủy chấm dứt việc kiêm quản hành chính ở thành phố Huế để nhường chỗ cho Bang tá. Toàn bộ thành phố được chia đặt thành 11 đơn vị hành chính cấp phường, phân bố theo 3 khu vực:

Khu vực bao quanh Kinh Thành, giới hạn bởi các sông đào Đông Ba, An Hòa, Kẻ Vạn và tim bờ Bắc Sông Hương, có 3 phường là:

1- *Phường Phú Hòa*: Chuyển từ phần đất của phường Đệ Nhất cũ (nay là phường Phú Hòa).

2- *Phường Phú Bình*: Chuyển từ phần đất của phường Đề Nhị và phường Đề Tam (nay là phường Phú Bình và một phần đất thuộc phường Phú Thuận).

3- *Phường Phú Thịnh* (còn gọi là Phú Thạnh): Chuyển từ phần đất của phường Đề Tứ (nay là một phần phường Phú Thuận).

Khu vực cồn Gia Hội, giới hạn bao quanh bởi sông đào Đông Ba và Sông Hương có 4 phường:

4- *Phường Phú Cát*: Chuyển từ phần đất của phường Đề Ngũ (nay là phường Phú Cát).

5- *Phường Phú Mỹ*: Chuyển từ phần đất của phường Đề Lục, hợp thêm phần đất làng Xuân Dương (nay là một phần của phường Phú Hiệp).

6- *Phường Phú Thọ*: Chuyển từ phần đất của phường Đề Thất (nay là một phần của phường Phú Hiệp).

7- *Phường Phú Hậu*: Chuyển từ phần đất của làng An Quán (thường gọi là Bãi Dâu, và một phần đất của làng Thế Lại Thượng (nay là phần phía bắc phường Phú Hiệp).

Khu vực hữu ngạn Sông Hương, giới hạn từ tim Sông Hương ở cầu đường sắt Dã Viên, tim sông Bình Lục, qua khu vực chợ An Cựu, qua cầu An Cựu, dọc theo đường xe lửa từ An Cựu lên cầu đường sắt Dã Viên bắc qua Sông Hương, có 4 phường là:

8- *Phường Phú Ninh*: Chuyển từ một phần đất thuộc phường Đề Bát và toàn bộ phường Đề Cửu (từ tim Sông Hương theo đường Nguyễn Trường Tộ qua khỏi cầu Phú Cam giáp đường xe lửa, rồi theo đường xe lửa từ Phú Cam lên Bến Ngự, Nam Giao đến cầu đường sắt Dã Viên bắc qua Sông Hương. Nay là đất một phần của 4 phường: Vĩnh Ninh, Phước Vĩnh, Trường An, Phường Đức).

9- *Phường Phú Vĩnh*: Chuyển từ một phần đất thuộc phường Đề Bát (từ tim Sông Hương theo đường Nguyễn Trường Tộ qua khỏi cầu Phú Cam giáp với đường sắt, dọc theo đường sắt về đường Trần Phú, qua cầu Kho Rèn vòng lại đường Lý Thường Kiệt, rồi qua Hoàng Hoa Thám đến giáp Sông Hương. Nay là một phần của hai phường Vĩnh Ninh và Phước Vĩnh).

10- *Phường Phú Hội*: Chuyển từ phần đất thuộc phường Đề Bát (từ tim Sông Hương theo đường Hoàng Hoa Thám qua Lý Thường Kiệt, qua cầu Kho Rèn lên đường Trần Phú giáp đường xe lửa, từ đó theo đường xe lửa về An Cựu và khu vực chợ An Cựu, theo đường Hùng Vương về giáp Sông Hương. Nay là đất của phường Phú Hội và một phần đất của phường An Cựu).

11- *Phường Phú Nhuận*: Chuyển từ một phần đất thuộc phường Đề Bát (từ tim Sông Hương theo đường Hùng Vương đến đường Bà Triệu, theo đường Bà Triệu đến tim sông Bình Lục, theo sông Bình Lục đến giáp Sông Hương ở Đập Đá. Nay là phần đất thuộc phường Phú Nhuận).

III. Dân số đô thị Huế từ 1899 đến 1945

Với đặc điểm đô thị Huế có sự chằng chéo, đan xen giữa đơn vị hành chính thị xã/thành phố với Kinh Thành lọt thỏm ở bên trong; dân cư sở tại luôn cùng chung không gian sinh hoạt với vua chúa, quan lại, binh lính triều đình và binh lính, viên chức thực dân cũng như lực lượng hoạt động canh nông, công kỹ nghệ và thương mại; không gian sinh hoạt và phân bố dân cư ở Huế lớn hơn địa phận hành chính đô thị... nên tài liệu thống kê dân số ở Huế của các cơ quan quản lý cả phía Pháp và triều đình Huế trong quá khứ vô cùng khó khăn, phức tạp, phải bỏ trống rất nhiều năm. Đó cũng là lý do khiến đến nay chưa có công trình nào đề cập sâu về dân số ở đô thị Huế trước năm 1945 bằng chuỗi con số cụ thể.

Trong chừng mực tư liệu thu thập được sau nhiều năm tìm kiếm, trên cơ sở các tài liệu thống kê đã tiếp cận, bài viết này cố gắng tổng hợp lại để người đọc có một cái nhìn cụ thể hơn về dân số đô thị Huế giai đoạn 1899-1945, với các thành phần dân cư cơ bản gồm người Việt, người Âu (chủ yếu là người Pháp), người Hoa và người Ấn Độ.

Bảng tổng hợp số liệu dân số đô thị Huế giai đoạn 1899-1945.⁽²⁷⁾

Năm	Dân số đô thị Huế/người					GHI CHÚ
	Việt	Âu	Hoa	Ấn	Tổng	
1900	49.470	30	500		50.000	Số liệu được tính khi Pháp chưa ban hành nghị định về ranh giới địa phận thị xã Huế.
1901	40.000	141	350	5	40.496	Thị xã Huế do tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà quản lý từ năm 1899 đến năm 1934. Từ năm 1921, có thêm một phần đất ở nam Sông Hương thuộc quyền quản lý của huyện Hương Thủy.
1905	40.200	400	400		41.000	Số đinh ở 8 phường trong thị xã Huế: 2453. Thiếu số liệu người Ấn.
1906	40.200	400	400		41.000	Số đinh ở 8 phường trong thị xã Huế: 2453. Thiếu số liệu người Ấn.
1907	41.310	240	440	10	42.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 960. Số đinh sút giảm vì có nhiều đối tượng thuộc diện miễn sai, miễn điều hay miễn hoàn toàn.
1908	41.310	240	440	10	42.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 960.
1909	39.321	199	480		40.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 960. Người Hoa và người Ấn được thống kê chung.
1910	64.547	153	300		65.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 960. Sự nhảy vọt về dân số từ năm 1910 có thể do thống kê cả dân số đô thị Huế, trong Kinh Thành, binh lính và số người tạm trú, vắng lai.
1911	64.547	153	300		65.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 720
1912	64.457	153	300		65.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 720
1913	64.457	153	300		65.000	Số đinh ở 9 phường trong thị xã Huế: 720
1933	69.060	859			69.919	Thiếu số liệu người Hoa và người Ấn.

Thay lời kết

Có một thực tế là đô thị Huế giai đoạn 1899-1945 vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau; mà việc thiếu thôn tư liệu hoặc do thiếu điều kiện tiếp cận nguồn tư liệu đương thời cũng là một lý do đáng lưu tâm.

Với một số vấn đề cụ thể về địa phận, tổ chức hành chính và dân số đô thị Huế trước năm 1945 được đào xới thêm trong bài viết này, dựa vào nguồn tư liệu cũ nhưng được khai thác nhiều hơn, hy vọng sẽ mở ra những khả năng nghiên cứu sâu hơn về đô thị Huế trong quá khứ, từ đó phục vụ cho sự hiểu biết về đô thị Huế hiện tại và định hướng quản lý, phát triển đô thị Huế đúng đắn, bền vững trong tương lai.

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) “Rapport du Co-mat au S.M. l'Empereur d'Annam. (1902). En date du 6 du 9^e mois de la 10^e année de Thanh Thai (20 Octobre 1898)”. *Journal officiel de l'Indo-Chine française (JOIC)*. Hanoi. P. 150.
- (2) “Ordonnance en date du 5 du 6^e mois de la 11^e année de Thanh Thai (12 Juillet 1899)”, *JOIC*, Hanoi. 1902. P. 50.
- (3) “Arrêté du Gouverneur Général du 30 Août 1899”. *Recueil de Législation & Jurisprudence coloniales*. Marchal & Billard. Paris. 1903. P. 108.
- (4) “Arrêté fixant les limites du centre urbain de Hué et autorisant la perception au profit du budget provincial de certaines taxes immobilières et de voirie”. *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*. Tome 4. Année 1909-1912, par Gabriel Michel. Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi-Haiphong. 1913. P. 14.
- (5) “Ordonnance royale en date du 27^e jour du 5^e mois de la 15^e année de Thanh-thai (22 juin 1903). Portant agrandissement du périmètre de la ville de Hué et y englobant les terrains de la gare”. *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*. Tome 4. 1913. Op. Cit. P. 17.
- (6) “Ordonnance royale du 27^e jour du 5^e mois de la 15^e année de Thanh-Thai (22 Juin 1903)”. *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*. Tome 4. Op. Cit. 1913. P. 17.
- (7) “Exécution de l'ordonnance royale du 22 Juin 1903, agrandissant le périmètre de la ville de Hué et y englobant la gare du chemin de fer et ses alentours immédiats - 3 Juillet 1903”. *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*, Tome 4. Op. Cit. 1913. P. 16.
- (8) “Arrêté rendant exécutoire l'ordonnance royale du 9 Mai 1908, portant extension du périmètre de la ville de Hué (Du 24 Juillet 1908)”. *Bulletin officiel de l'Indochine française*. N° 8. 1908. P. 748.
- (9) “Ordonnance royale 6^e année de Khai-Dinh, 10^e mois, 5^e jour - 4 Novembre 1921”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 24. 1921. P. 1293-1294.
- (10) “Arrêté rendant exécutoire l'Ordonnance Royale du 4 Novembre 1921, portant extension du périmètre de la ville de Hué et fixant les nouvelles limites de ce périmètre - 25 Novembre 1921”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 24. 1921. P. 1292-1293.
- (11) “Gouvernement Général Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 1-2.

- (12) *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Deuxième Partie, Imprimerie F-H. Schneider. Hanoi. 1902. P. 536.
- (13) “Arrêté fixant les limites du centre urbain de Hué et autorisant la perception au profit du budget provincial de certaines taxes immobilières et de voirie”. *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*. Tome 4. Op. Cit. 1913. P. 1415.
- (14) “Province de Thua-Thiên”. *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Partie Commerciale. Hanoi. 1907. P. 576.
- (15) “Gouvernement Général, Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 2.
- (16) “Gouvernement Général, Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 4.
- (17) “Gouvernement Gneral, Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 4-5.
- (18) “Gouvernement General, Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 5.
- (19) “Commune de Hué”. *Annuaire Administratif de l'Indochine*. Imprimerie d'Extrême-Orient. Hanoi. 1930. P. 386.
- (20) Tại Việt Nam trước năm 1945, chỉ các thành phố loại I như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng mới có Hội đồng thành phố (Conseil municipal); còn ở các thành phố loại II như Chợ Lớn, Đà Nẵng và loại III như Huế, Thanh Hóa, Vinh, Quy Nhơn, Phan Thiết là Ủy ban thành phố (Commission municipale).
- (21) “Gouvernement Général, Arrêté du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 2-3.
- (22) “Gouvernement General, Arrêtés du 12 Décembre 1929”. *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 1. 14 Février 1930. Hué. P. 3.
- (23) Tổng hợp số liệu từ các nguồn: - “Commune de Hué”, *Annuaire Administratif de l'Indochine*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, 1930, p. 386.
- “Commune de Hué”, *Annuaire Administratif de l'Indochine*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, 1932, p. 426.
- *Bulletin Administratif de l'Annam*, Hué, 1933, p.2210.
- *Bulletin Administratif de l'Annam*, Hué, 1938, p.33;
- *Bulletin Administratif de l'Annam*, Hué, 1942, p.45-46.
- (24) “Ministère de l'Intérieur - Rapport au trône le 15^e jour du 10^e mois de 9^e année de Bao-Dai (21/11/34)”, *Bulletin Administratif de l'Annam*. N° 24. Hué. 1934. P. 1921-1922.
- (25) “Chi n° 41 du 17^e jour du 10^e mois de la 9^e année de Bao-Dai (23/11/34) relatif à l'organisation administrative de la ville de Hué”, *Bulletin Administratif de l'Annam*, N° 24, Hué, 1934, p. 1922-1923.
- (26) “Actes officiels du Gouvernement Annamite”, *Bulletin Administratif de l'Annam*, Hué, 1935, p. 44-45.
- (27) Số liệu tổng hợp từ các nguồn:
- Eugène Lagrillière-Beauclerc. (1900). *Études coloniales. À travers l'Indo-Chine: Cochinchine, Cambodge, Annam, Tonkin. Laos*. In-8°. VIII-251 p. Paris.
- *Annuaire Général Commercial, Administratif et Industriel de l'Indo-Chine*. (1901). Deuxième Partie, Imprimerie F-H. Schneider, Hanoi

- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi. 1905.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Partie commerciale. Hanoi. 1906.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Partie Commerciale. Hanoi. 1907.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi. 1908.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi. 1909.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Imprimerie d'Extrême-Orient. Hanoi-Haiphong. 1910.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi. 1911.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi. 1912.
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Partie 1. Hanoi. 1913.
- L. Lacroix-Sommé et messieurs R. J. Dickson et A. J. Burtschy. (1933). *Indochine adresses*, 1^{ère} année. 1933-1934. Imprimerie Albert Portail Saigon.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Annuaire Administratif de l'Indochine*. Hanoi (1926-1943).
- *Annuaire Général de l'Indo-Chine*. Hanoi (1899-1925).
- *Annuaire Statistique de l'Indochine*. Hanoi (1913-1946).
- *Bulletin Administratif de l'Annam*. Hué (1902-1944).
- *Bulletin officiel de l'Annam et du Tonkin*. Saigon - Hanoi (1880-1900).
- *Bulletin officiel de l'Indochine française*. Saigon - Hanoi (1899-1913).
- *Code Judiciaire de l'Indo-Chine*. 4 Tome 4. par Gabriel Michel, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi-Haiphong. 1913.
- Eugène LagrillièreBeauclerc. (1900). *Études coloniales. À travers l'Indo-Chine: Cochinchine, Cambodge, Annam, Tonkin, Laos*. In-8°. VIII-251. p. Paris.
- *Journal officiel de l'Indo-Chine française (JOIC)*. Hanoi (1891-1944).
- *Recueil de Législation & Jurisprudence coloniales*. Marchal & Billard. Paris. 1903.
- L. Lacroix-Sommé et messieurs R. J. Dickson et A. J. Burtschy. *Indochine adresses*. 1^{ère} année. 1933-1934. Imprimerie Albert Portail. Saigon. 1933.

TÓM TẮT

Tuy đã có nhiều nghiên cứu đề cập, nhưng đến nay những vấn đề về địa phận, tổ chức hành chính và dân số đô thị Huế giai đoạn 1899-1945 vẫn chưa được các công trình đã xuất bản thể hiện một cách đầy đủ, thấu đáo, cụ thể, đôi chỗ còn nhầm lẫn, nên chưa làm thỏa mãn hoàn toàn nhu cầu hiểu biết, nắm bắt của xã hội. Hạn chế này chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân các nhà nghiên cứu trước đây chưa thể tiếp cận hết những tư liệu quan trọng liên quan, chưa phát hiện đầy đủ và khai thác tối đa số tư liệu này. Vì vậy, công trình này sẽ tập trung giải quyết, khắc phục những nội dung còn khiếm khuyết nói trên.